

# Khuyến nghị nhằm thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam

VÕ THANH THU & TRẦN THỊ TRANG \*

Trường Đại học Công nghệ TP.HCM

Nhận bài: 05/05/2023 - Duyệt đăng: 15/08/2023

(\*) Liên hệ: tt.trang@hutech.edu.vn - ĐT: 0938002774

## Tóm tắt:

**Đ**ầu tư quốc tế là một trong những hình thức kinh doanh quốc tế quan trọng đối với nền kinh tế của quốc gia. Trong xu hướng toàn cầu hóa sản xuất, nhiều tập đoàn đa quốc gia tìm kiếm những cơ hội dịch chuyển nhà máy sản xuất đến nơi có thể tận dụng lực lượng lao động giỏi tay nghề, nguồn tài nguyên thiên nhiên sẵn có... Đây là cơ hội tốt cho việc thu hút nguồn vốn nước ngoài, góp phần phát triển, nâng cao năng lực cạnh tranh của VN trên trường quốc tế. Tuy nhiên, sự cạnh tranh khốc liệt giữa các quốc gia trong việc thu hút FDI, làn sóng dịch chuyển vốn FDI kể từ khi khủng hoảng y tế toàn cầu do dịch Covid – 19 đã và đang gây ra nhiều thách thức lớn. Bài viết này tập trung phân tích thực trạng dựa trên dữ liệu thứ cấp, nhận định những tồn tại, thách thức, từ đó đề xuất khuyến nghị đối với Nhà nước và địa phương để có những quyết sách đúng đắn, kịp thời, đem lại nhiều cơ hội gia tăng thu hút FDI cho VN.

**Từ khóa:** Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài; hoạt động FDI tại VN.

## Abstract:

A country's economy depends heavily on foreign investment, which is one of the most significant types of international trade. In line with the trend of global production, many multinational corporations are looking for opportunities to relocate their manufacturing facilities to locations with access to skilled labor, natural resources, and other favorable conditions for attracting foreign investment and boosting Vietnam's competitiveness abroad. However, there have been several difficulties due to the intense competition between nations to attract FDI and a surge of FDI movement following the global health catastrophe brought on by the Covid-19 outbreak. This article focuses on examining the current situation using secondary data, identifying problems and obstacles, and then making suggestions for the future.

**Keywords:** Promoting foreign direct investment; FDI in Vietnam.

## 1. Giới thiệu

Đối với các nước đang phát triển như VN, việc thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) là một trong những biện pháp hữu hiệu giúp nâng cao trình độ khoa học công nghệ, phương thức quản lý, tạo công ăn việc làm cho lao động trong nước... Nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ngày càng đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế VN:

Hết tháng 12 năm 2022 có trên nghìn dự án với tổng vốn hơn 438 tỷ USD, đầu tư vào 19 nhóm ngành dịch vụ của VN, chiếm tỷ trọng 25% nguồn vốn đầu tư toàn xã hội, 20% GDP, trên 72% giá trị xuất nhập khẩu của VN, 55% giá trị sản xuất ngành công nghiệp (Bộ Kế hoạch & Đầu tư, 20/12/2022), 14,14% tổng nguồn thu ngân sách, giải quyết việc làm cho trên 6 triệu lao động (Bộ

trường Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội Đào Ngọc Dung, tháng 6/2020). Tuy nhiên, hiệu quả thu hút vốn FDI chưa cao: Các dự án FDI có công nghệ cao còn ít, chưa góp phần tăng năng lực khoa học công nghệ của VN, đóng góp cho ngân sách VN chưa tương xứng với ưu đãi và kỳ vọng của Chính phủ và các địa phương giành cho họ, số dự án hoạt động thua lỗ còn nhiều, có hiện tượng chuyển giá

trốn thuế trong hoạt động đầu tư; tính lan tỏa kích thích các doanh nghiệp nội địa phát triển còn hạn chế, hầu hết các dự án FDI chưa thiết lập chuỗi cung ứng với các nhà đầu tư trong nước; không ít các dự án gây rủi ro về ô nhiễm môi trường... Vậy làm sao có thể tăng cường hiệu quả thu hút vốn FDI có chất lượng có ý nghĩa quan trọng đối với nền kinh tế VN trong giai đoạn mới hậu dịch Covid kinh tế khu vực và thế giới có nhiều đổi thay.

## 2. Nội dung

### 2.1. Những nét lớn về đầu tư trực tiếp nước ngoài tại VN

Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, từ tháng 12/1987 đến 20/12/2022, sau 35 năm kể từ khi có Luật Đầu tư nước ngoài, VN đã thu hút 36.278 dự án FDI với tổng số vốn 438.692,29 tỷ USD từ 141 nước không những từ các nước công nghiệp phát triển như Hoa Kỳ, Nhật Bản, Anh, Pháp, Đức... mà còn thu hút vốn từ các nhà đầu tư đến từ các nước gặp khó khăn về kinh tế như Cuba (04 dự án); Bắc Triều Tiên (05 dự án), Lào (10 dự án), Campuchia (29 dự án), nhiều nước ở Châu Phi cũng đầu tư vào VN. Tất cả các tỉnh ở VN đều có dự án FDI, nhưng phân bố không đều: Những tỉnh, thành phố có kinh tế phát triển tốt thu hút vốn đầu tư nhiều như TP.HCM thu hút đến 11.272 dự án (30,33%), số vốn đăng ký đến 55.828,96 tỷ USD (12,73%), nhưng có những tỉnh chỉ thu hút 01 dự án với số vốn rất nhỏ (Bảng 1)

Hiện nay, nền kinh tế VN chia thành 21 nhóm ngành kinh tế, theo đó, hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài tham gia đầu tư vào 19 nhóm ngành, góp phần quan trọng trong chiến lược

**Bảng 1: Tình hình thu hút vốn FDI theo tỉnh của VN (12/1987 - 20/12/2022) - ĐVT: Tỷ USD**

STT	Địa phương	Số dự án	Tổng vốn đầu tư đăng ký
1	TP. Hồ Chí Minh	11.272	55.828,96
2	Bình Dương	4.074	39.633,40
3	Hà Nội	7.019	38.743,15
4	Đồng Nai	1.818	34.992,05
5	Bà Rịa - Vũng Tàu	533	33.304,09
6	Hải Phòng	982	25.274,13
7	Bắc Ninh	1.819	23.170,76
8	Thanh Hóa	174	14.798,91
9	Long An	1.293	12.912,83
10	Hà Tĩnh	80	12.014,24
.....	.....	....	.....
63	Điện Biên	1	0,003
64	Lai Châu	1	0,0015
Tổng FDI của VN		36.278	438.692,29

**Bảng 2: Tình hình đầu tư FDI vào VN theo ngành kinh tế (Lũy kế đến 20/12/2022) - ĐVT: Tỷ USD**

STT	Chuyên ngành	Số dự án	Tổng vốn đầu tư đăng ký
1	Công nghiệp chế biến, chế tạo	15.947	260,117,55
2	Hoạt động kinh doanh bất động sản	1.072	66.267,55
3	Sản xuất, phân phối điện, khí, nước, điều hòa	185	38.317,63
4	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	928	12.679,18
5	Xây dựng	1.785	10,899,62
6	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy	6.140	10,260,41
7	Vận tải kho bãi	986	6.170,57
8	Thông tin và truyền thông	2.689	4.919,06
9	Khai khoáng	108	4.894,57
10	Hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ	4.109	4.799,01
11	Giáo dục và đào tạo	625	4.590,52
12	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	525	3.850,11
13	Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	140	3.418,60
14	Cấp nước và xử lý chất thải	83	3.035,78
15	Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	153	1.752,98
16	Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	563	1.038,92
17	Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	88	0,94505
18	Hoạt động dịch vụ khác	145	0,72412
19	Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình	7	0,01107
Tổng		36.278	438.692,29

Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa (Bảng 2). Theo tính toán của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 58% tổng vốn đầu tư FDI tập trung vào lĩnh vực chế biến, chế tạo, tạo ra trên 55% giá trị sản xuất công nghiệp của cả nước.

Khu vực FDI đóng góp quan trọng trong xuất khẩu VN, đưa VN trở thành nước có hoạt động thương mại lớn thứ 20 trên thế giới: Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa năm 2022 ước tính đạt 371,85 tỷ USD, tăng 10,6% so với năm 2021, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 95,09 tỷ USD, tăng 6,5 %, chiếm 25,6% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 276,76 tỷ USD, tăng 12,1 %, chiếm 74,4%.

**2.2. Những tồn tại trong thu hút vốn FDI vào VN**

Nhìn lại trên 35 năm kể từ khi có luật đầu tư nước ngoài (12/1987), ngoài những thành tựu đóng góp cho nền kinh tế VN thì hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài cũng bộc lộ những tồn tại mà cho đến nay chưa được khắc phục đã tác động hạn chế đến kinh tế VN, cụ thể:

*Thứ nhất*, nhiều địa phương lớn của VN vì thiếu vốn, tập trung giải quyết công ăn việc làm mà thu hút vốn FDI không có sự chọn lọc, chủ yếu tập trung các dự án gia công may, gia công giày dép, túi xách, lắp ráp điện tử... (Chính phủ, 2018). Đây là những dự án thâm dụng lao động, hiệu quả kinh tế thấp vì giá gia công ngày càng giảm, tính phụ thuộc vào đối tác nước ngoài cao.

*Thứ hai*, ít dự án FDI có công nghệ cao, tính lan tỏa về công nghệ thấp. Theo số liệu của Bộ Kế hoạch - Đầu tư, 80% doanh nghiệp FDI có công nghệ trung bình, 15% công nghệ thấp và lạc hậu, 5% là công nghệ cao, tiên tiến. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp FDI đầu tư công nghệ thấp dẫn tới chủ yếu sử dụng lao động phổ thông, người lao động ít có động lực nâng cao trình độ. Rất ít doanh nghiệp FDI lập phòng thí nghiệm để phát triển công nghệ ở VN. Cuộc cách mạng công nghệ số diễn ra mạnh mẽ, nhưng không nhiều các dự án FDI sử dụng thành quả công nghệ 4.0 vào trong sản xuất và thương mại dịch vụ tại VN. Khảo sát độc lập của Phòng thương mại và công

nh nghiệp VN cũng cho thấy: Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng công nghệ tiên tiến của châu Âu chỉ chiếm khoảng 5%; trong khi đó, tỷ lệ doanh nghiệp FDI sử dụng công nghệ Trung Quốc khá cao, từ 30 - 45%, đa số trong số này là công nghệ trung bình và lạc hậu so với mặt bằng chung của thế giới. Bên cạnh đó, tỷ lệ nội địa hóa của các doanh nghiệp FDI thấp, bình quân chỉ đạt 20-25 %, điều này ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư và phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu và rủi ro.

*Thứ ba*, vốn đầu tư FDI vào VN chủ yếu đến từ các nước châu Á, còn vốn từ Hoa Kỳ và EU chưa nhiều như kỳ vọng. Một hiện tượng đáng lưu ý: Hậu chiến tranh thương mại Mỹ – Trung vốn đầu tư từ Trung Quốc và Hồng Kông sang VN tăng mạnh và nhanh trong giai đoạn 2019-2022. (Nguyễn Mai, 2020). Bảng 3 cho thấy tình hình 09 nước đầu tư trực tiếp lớn nhất vào VN trong năm 2022, nếu không xem xét và có sàng lọc khi tiếp nhận vốn thì có khả năng ảnh hưởng tiêu cực đến xuất khẩu của VN trong tương lai gần. Bởi vì xuất khẩu sang thị trường chủ lực của

**Bảng 3: Thu hút vốn FDI từ đối tác lớn nhất năm 2022 vào VN (Tính từ 01/01/2022 đến 20/12/2022 – ĐVT: Triệu USD)**

Stt	Đối tác	Số dự án cấp mới	Vốn đăng ký cấp mới	Số lượt dự án điều chỉnh	Vốn đăng ký điều chỉnh	Số lượt góp vốn mua cổ phần	Giá trị góp vốn, mua cổ phần	Tổng vốn đăng ký
1	Singapore	280	2.120,23	113	2.500,71	376	1.834,07	6.455,01
2	Hàn Quốc	416	1.118,85	361	2.818,57	1,215	941,59	4.879,01
3	Nhật Bản	203	3.388,39	162	1.170,14	216	222,86	4.781,39
4	Trung Quốc	283	1.356,53	127	1.002,83	312	158,65	2.518,01
5	Hồng Kông	134	1.101,22	79	958,54	58	164,12	2.223,88
6	Đài Loan	86	512,80	54	648,31	216	190,51	1.351,62
7	Đan Mạch	8	1.320,52	3	(1,44)	8	1,22	1.320,31
8	Hoa Kỳ	91	531,56	22	48,11	166	168,50	748,17
9	Hà Lan	31	43,73	8	41,55	30	616,90	702,19

Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư VN tháng 01/2023

VN tăng mạnh dễ bị các nước nhập khẩu áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại: Biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp xuất khẩu, biện pháp tự vệ... Ngoài ra, nhiều nhà quản lý và nghiên cứu đầu tư cho biết, các dự án trước đây của Trung Quốc thường sử dụng công nghệ trung bình và lạc hậu tiêu tốn năng lượng, gây ô nhiễm, ngoài ra khá nhiều dự án có vốn Trung Quốc làm ăn thua lỗ, nợ lương công nhân, nợ tiền bảo hiểm, nợ thuê rồi bỏ trốn, không ít trường hợp người lao động Trung Quốc còn gây ra các vấn đề tệ nạn xã hội, gây mất an ninh trật tự địa phương... Do vậy, các cấp quản lý nhà nước từ Trung ương đến địa phương cần phải xây dựng cơ chế thu hút vốn FDI có hiệu quả, tránh tình trạng thu hút vốn bằng mọi giá.

*Thứ tư*, nhiều dự án FDI gây ô nhiễm môi trường, thậm chí gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng: Theo kết quả thanh tra của Tổng cục Môi trường tại 28 tỉnh phía Bắc trong các năm 2017, 2018 và 2019 thì tỷ lệ doanh nghiệp FDI vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường tăng lên trong các năm. Cụ thể, năm 2017 có 12/27 doanh nghiệp vi phạm, chiếm tỷ lệ 44,5%; năm 2018 có 14/25 doanh nghiệp vi phạm, chiếm tỷ lệ 56% và năm 2019 là 13/19 doanh nghiệp vi phạm, chiếm tỷ lệ 68%. Những dự án FDI ở miền Trung và miền Nam cũng vi phạm pháp luật, gây ô nhiễm môi trường lớn như Công ty Vedan, Miwon, Formosa, khói bụi ô nhiễm của nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2, Công ty Lee và Men gây ô nhiễm nguồn nước thải. Nhiều nguyên nhân

dẫn tới thu hút các dự án FDI gây ô nhiễm như: còn sự thiếu thông nhất trong quy định của Luật Môi trường và Luật Đầu tư, Luật Bảo vệ môi trường và Luật Xây dựng, giữa Luật Bảo vệ môi trường và Luật Tài nguyên nước... Bên cạnh đó, là các nguyên nhân khác như: Thẩm định nội dung môi trường của các dự án FDI chưa chặt chẽ, chưa đánh giá kỹ rủi ro về môi trường. Ngoài ra hệ thống thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại tại các khu công nghiệp chưa đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp; hay sự thu hút đầu tư các ngành nghề phù hợp với phân khu chức năng của khu công nghiệp, cụm công nghiệp chưa được chú trọng.

*Thứ năm*, một biểu hiện nữa trong hạn chế thu hút vốn nguồn vốn FDI là hiện tượng các doanh nghiệp FDI kê khai, báo lỗ đã khá lớn chiếm đến khoảng 50% tổng số doanh nghiệp FDI đang hoạt động trên cả nước. Hiện tượng kinh doanh lỗ của các doanh nghiệp FDI có nhiều nguyên nhân, nhưng “chuyên giá” là nguyên nhân phổ biến khiến tình trạng “Lời thật, lỗ giả” nhằm né các khoản thuế phải đóng cho VN. Điển hình: Tại TP. HCM, có tới gần 60% trong số trên 3.500 doanh nghiệp FDI thường xuyên kê khai lỗ trong nhiều năm; tỉnh Bình Dương, một trong những tỉnh thu hút được nhiều dự án FDI, cũng có đến 50% doanh nghiệp FDI báo cáo lỗ từ năm 2006-2011. Một điều bất hợp lý là mặc dù thua lỗ liên tục và lỗ lớn nhưng doanh nghiệp FDI vẫn mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh (điển hình như trường hợp của Coca Cola hay Pepsi). Đáng chú ý, trong khi doanh nghiệp

FDI báo lỗ thì hầu hết các doanh nghiệp trong nước cùng ngành nghề đều có lãi, nhất là trong lĩnh vực may mặc, giày da, sản xuất kinh doanh sắt thép. Ví dụ nhiều công ty thép VN hoạt động có lời, trong khi đó Formosa Hà Tĩnh lỗ lũy kế đến hết năm 2019 trên 25,3 nghìn tỷ đồng. Hoạt động chuyển giá của các doanh nghiệp FDI đã không những gây thất thu cho ngân sách Nhà nước hàng chục nghìn tỷ đồng trong nhiều năm qua, mà còn tạo ra môi trường cạnh tranh không bình đẳng với các doanh nghiệp làm ăn chân chính trong hoạt động kinh doanh tại VN. Tìm cách giải quyết 5 tồn tại lớn kể trên sẽ góp phần nâng cao hiệu quả thu hút vốn FDI vào VN, góp phần đẩy nhanh phát triển kinh tế VN theo hướng bền vững, hội nhập.

### **2.3. Những thách thức trong thu hút vốn FDI có chất lượng**

Hiện nay, cạnh tranh trong thu hút vốn đầu tư FDI chạy khỏi Trung Quốc rất lớn: Ấn Độ, Thái Lan, Indonesia... Các nước này đều có chính sách và chiến lược đặc biệt thu hút cụ thể với từng dự án đầu tư chất lượng cao có kế hoạch rời khỏi Trung Quốc. Tất cả các nước đều đang trong quá trình cải thiện môi trường đầu tư để tăng tính hấp dẫn đối với các nhà đầu tư nước ngoài.

Thuế tối thiểu toàn cầu của OECD, VN có tham gia và sẽ có hiệu lực từ năm 2024, nếu chúng ta không nhanh chóng xem xét để đưa ra cải cách thuế liên quan đến hoạt động của các công ty quốc tế có thể dẫn tới tác động hạn chế đến môi trường thu hút các dự án lớn. Vốn đầu tư FDI đến VN từ “thiên đường thuế” khá nhiều, ví dụ tính hết tháng 12/2022 đến

từ BritishVirginIslvàs có 888 dự án với số vốn đăng ký lên đến 22.382,22 tỷ USD; Từ đảo Samoa thuộc Mỹ có 425 dự án với số vốn trên 9,41 tỷ USD; Đảo Cayman có 129 dự án, số vốn đăng ký là 6.747 tỷ USD (Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Tính đến 20/12/2022). Hiện tượng này tác động khó khăn đến tình hình kiểm soát chuyển giá trong khu vực FDI ở VN.

Chất lượng nguồn nhân lực VN còn có nhiều hạn chế, khó đáp ứng yêu cầu của các dự án công nghệ cao có quy mô lớn. Ngoài ra, công nghiệp hỗ trợ phục vụ cho các dự án công nghệ cao của VN còn nhiều hạn chế, doanh nghiệp nội địa nhỏ về quy mô, trình độ công nghệ thấp nên chưa thể trở thành vệ tinh, là mắt xích trong chuỗi cung ứng của các tập đoàn đa quốc gia. Thực trạng này dẫn tới hạn chế tính lan tỏa của các dự án FDI đối với phát triển các ngành kinh tế VN.

Về cơ sở hạ tầng: Đường xá, cầu cảng, điện, Internet của các vùng miền VN có nhiều cải thiện, nhưng so với nhiều nước vẫn còn nhiều hạn chế, tắc nghẽn giao thông, chi phí vận tải cao, điện nước chậm chạp, đặc biệt ở Tây Nam bộ và Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Tình trạng này tác động bất lợi đến khả năng thu hút các dự án lớn có trình độ công nghệ cao.

#### **2.4. Khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả thu hút vốn FDI**

*Quan điểm cần quán triệt trong thu hút vốn FDI vào VN*

Ở VN nhiều cấp quản lý nhà nước tham gia cấp giấy phép đầu tư FDI: Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh thành phố, Ban quản lý các khu công nghệ và khu

chế xuất, khu công nghệ cao... Do vậy, khi xây dựng chiến lược thu hút vốn FDI ở cấp mình quản lý cần dựa vào các quan điểm chủ đạo sau:

*Một là*, nguồn vốn FDI rất quan trọng, không chỉ đơn thuần là tiền, tài sản mà có hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài góp phần cải thiện thể chế chính sách ở tầm quốc gia, địa phương theo hướng đáp ứng yêu cầu của phát triển thị trường và hội nhập. Tạo môi trường cạnh tranh thúc đẩy sự phát triển kinh tế nội địa.

*Hai là*, không thu hút vốn FDI với mọi giá, cần chọn lọc thu hút vốn phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế -XH ở địa phương, gắn với quy hoạch phát triển kinh tế trung hạn và dài hạn. Ví dụ: Địa phương chủ trương phát triển du lịch hạn chế thu hút các dự án có khả năng gây ô nhiễm như nhiệt điện sử dụng than, địa phương phát triển nông nghiệp, thủy sản hạn chế thu hút các dự án có thể gây nhiễm nguồn nước: Sản xuất giấy, hồ tât nhuộm vải, thuộc da.

*Ba là*, với những dự án FDI “tiềm năng” thì có chiến lược cạnh tranh tốt, cụ thể để thu hút: cơ chế chính sách, cơ sở hạ tầng, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực.

*Các khuyến nghị thu hút các tập đoàn lớn, chất lượng cao đầu tư vào VN*

Khuyến nghị với Trung ương Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Bộ ngoại giao và các Bộ ngành khác xây dựng chiến lược thu hút vốn đầu tư từ các tập đoàn công nghệ lớn trình Thủ tướng Chính Phủ phê duyệt (địa bàn địa phương, ngành công nghệ ưu tiên, chính sách khuyến khích, hỗ trợ đầu tư mang tính cạnh tranh).

Cần thành lập tổ công tác đặc biệt được sự chỉ đạo trực tiếp của Thủ tướng Chính phủ bao gồm Cục đầu tư nước ngoài thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đại diện cấp cao của Bộ ngoại giao... được sự ủy quyền của Thủ tướng để đi đàm phán với các tập đoàn, các doanh nghiệp công nghệ cao có ý định dịch chuyển đầu tư khỏi Trung Quốc. Từng dự án có thể có chiến lược ưu đãi khác nhau phụ thuộc vào quy mô vốn, kim ngạch xuất khẩu, trình độ công nghệ.

Chủ động xây dựng chiến lược Marketing bài bản: giới thiệu tiềm năng về đất đai, lao động, tính hấp dẫn môi trường đầu tư của VN cho các Nhà đầu tư nước ngoài. Cung cấp cho đối tác địa chỉ giúp giải quyết các vấn đề mà nhà đầu tư quan tâm liên quan đến thể chế chính sách, cơ sở hạ tầng, đất đai; Xây dựng hệ thống dữ liệu lớn (Big data) phục vụ cho thu hút và kiểm tra kiểm soát hoạt động đầu tư FDI tại VN. Các thông tin ưu tiên lưu trữ gồm: (1) Lịch sử, tổ chức, mạng lưới kinh doanh tình hình biến động trong đầu tư, kinh doanh của các tập đoàn đa Quốc gia trên thế giới, ưu tiên thu thập thông tin về các nhà đầu tư lớn đang hoạt động tại Trung Quốc và Châu Á; (2) Thu thập thông tin về chi phí, lợi nhuận, tỷ suất lợi nhuận bình quân của các doanh nghiệp trong và ngoài nước ở một số ngành hàng: Dệt may, sản xuất sắt thép, nhựa... làm căn cứ thực tế để đấu tranh với hoạt động chuyển giá ở các doanh nghiệp FDI, hỗ trợ cho hoạt động thanh tra kiểm tra hoạt động tại các DN FDI; (3) Cập nhật tình hình cho thuê đất tại các khu công nghệ ở VN

(đất trống, giá cho thuê, thuế, các loại chi phí, khả năng thỏa mãn nhân công) để sẵn sàng cung cấp thông tin kịp thời cho các nhà đầu tư, nhà nghiên cứu chính sách; (4) Thông tin về cơ chế chính sách liên quan đến đầu tư của các nước trong khu vực bao gồm cả kinh nghiệm. Những thông tin này giúp các nhà hoạch định chính sách điều chỉnh cơ chế đầu tư; (5) Thông tin về các nhà đầu tư FDI vào VN. Quốc tịch vốn đăng ký, vốn thực hiện, công nghệ sử dụng, địa bàn và chi nhánh đầu tư trên lãnh thổ VN, quy mô, doanh thu, xuất nhập khẩu, đóng góp ngân sách...

Đánh giá theo định kỳ việc thực hiện Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030 để tiếp tục hoàn thiện môi trường đầu tư theo hướng tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho các Nhà đầu tư nước ngoài. Bộ công thương nên phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư để xuất kế hoạch giải pháp cụ thể thực hiện nghị quyết 115/NQ-CP ngày 6/08/2020 về các giải pháp phát triển công nghiệp hỗ trợ ở VN. Thực hiện mục tiêu nêu trong nghị quyết đến năm 2030 sản phẩm công nghiệp hỗ trợ đáp ứng 70% nhu cầu sản xuất trong nước, chiếm 14% giá trị của toàn ngành công nghiệp. (Quốc Bình, 2020). Hỗ trợ để hình thành 2.000 doanh nghiệp tham gia cung cấp sản phẩm hỗ trợ cho các tập đoàn đa quốc gia hoạt động tại VN và xuất khẩu sang các nước trong khu vực.

Nhà nước hỗ trợ để hình thành các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ mạnh có đủ sức mạnh về vốn và công nghệ để dẫn dắt công nghiệp hỗ trợ trong nước phát triển.

Xây dựng cơ chế chính sách ưu đãi mang tính cạnh tranh đối các tập đoàn đa quốc gia đầu tư, đặt trụ sở và thành lập các trung tâm R&D, trung tâm đổi mới sáng tạo tại VN. Hỗ trợ cho vấn đề rất cần thiết VN phải củng cố hoạt động bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, tạo sự yên tâm cho các nhà đầu tư khi phát triển hoạt động sáng tạo tại VN; Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về FDI; đặc biệt tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán để đảm bảo các doanh nghiệp FDI sử dụng đúng, hiệu quả nguồn lực, cũng như đảm bảo cam kết đầu tư. Tăng cường và đổi mới công tác kiểm tra, giám sát theo hướng tạo điều kiện cho doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả; phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước để tránh chồng chéo trong thanh tra, kiểm tra; tăng cường hậu kiểm với các dự án FDI sau khi được cấp phép.

Ngoài việc hoàn thiện chính sách chống chuyển giá, thì việc nâng cao trình độ của các cán bộ quản lý thuế ở các doanh nghiệp có yếu tố Quốc tế giúp tránh thất thu thuế, tạo môi trường cạnh tranh công bằng nâng cao hiệu quả thu hút vốn FDI. Nghiên cứu hệ thống chỉ tiêu mang tính lượng hóa dùng để đánh giá tính hiệu quả thu hút FDI (Chỉ tiêu này giúp sớm xác định dự án có chất lượng; tăng cường giải pháp quản lý nhà nước).

Khuyến nghị với các địa phương

Để nâng cao năng lực và hiệu quả thu hút vốn FDI, thì các cơ quan quản lý Nhà nước cấp tỉnh, thành phố cần chủ động Chủ động xây dựng chiến lược thu hút vốn đầu tư FDI: chiến lược phải nhằm phục vụ cho chiến lược phát triển kinh tế xã hội của địa phương; Hỗ trợ xây dựng các tập đoàn kinh tế mạnh trong nước (kể cả các tập đoàn mới công nghệ tư nhân), họ là những đối tác quan trọng để hợp tác và cạnh tranh với khu vực kinh tế FDI. Cần đặc biệt lưu ý không thu hút các dự án gây ô nhiễm, khó kiểm soát.

Tăng cường mối liên kết kinh tế với các tỉnh bạn trong thu hút đầu tư (giới thiệu các dự án không phù hợp với quy hoạch đầu tư của mình về ngành và quy mô đầu tư...); Đánh giá tiềm năng thu hút đầu tư FDI: Quỹ đất, nguồn nhân lực, khả năng đáp ứng sản phẩm công nghiệp hỗ trợ; giá cả triển khai đầu tư (tiền thuê đất, lương, chi phí điện nước, chi phí và thời gian liên quan đến vận tải...) nhận diện rõ những mặt mạnh và hạn chế, chủ động đề xuất các giải pháp duy trì và phát triển điểm mạnh, khắc phục.

Nâng cao hoạt động Marketing địa phương: xây dựng Video hay (bằng các ngôn ngữ khác nhau), chuyên nghiệp giới thiệu về cơ hội tiềm năng đầu tư vào địa phương, thế mạnh của địa phương, ưu đãi của địa phương dành cho những dự án có chất lượng cao: hỗ trợ tiền thuê mặt bằng, chính sách miễn giảm thuế.

*(Xem tiếp trang 64)*

## Hạn chế và hướng nghiên cứu tiếp theo của chuyên đề

Mặc dù chuyên đề này đã có những đóng góp đáng kể về cả mặt lý thuyết cũng như quản lý thực tiễn, tuy nhiên chuyên đề vẫn còn những hạn chế nhất định. Cụ thể, chuyên đề này chỉ khảo sát các doanh nghiệp ở TP. Hồ Chí Minh, nên nó sẽ khó có thể đại diện cho toàn bộ các tổ chức, ban ngành ở VN. Vì vậy, nghiên cứu tương lai nên mở rộng khảo sát ra các tỉnh/thành phố khác để kết quả nghiên cứu có tính khái quát hóa mạnh mẽ hơn và có thể so sánh để hiểu sâu hơn về những đặc trưng riêng biệt của các tổ chức, doanh nghiệp ở những nơi khác nhau tại VN●

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ahmad, S., and Schroeder, R. G. (2003). The impact of human resource management practices on operational performance: recognizing country and industry differences. *Journal of operations Management*, 21(1), 19-43.
- Alserhan, H., and Shbail, M. (2020). The role of organizational commitment in the relationship between human resource management practices and competitive advantage in Jordanian private universities. *Management Science Letters*, 10(16), 3757-3766.
- Anwar, G., and Shukur, I. (2015). The impact of training and development on job satisfaction: a case study of private banks in Erbil. *International Journal of Social Sciences and Educational Studies*, 2(1), 65.
- Appelbaum, E., Bailey, T., Berg, P., and Kalleberg, A. L. (2000). *Manufacturing advantage: Why high-performance work systems pay off*. Cornell University Press.
- Becker, B., and Gerhart, B. (1996). The impact of human resource management on organizational performance: Progress and prospects. *Academy of management journal*, 39(4), 779-801.
- Bhat, R., and Maheshwari, S. K. (2005).

- Human resource issues: implications for health sector reforms. *Journal of Health Management*, 7(1), 1-39.
- Cable, D. M., and Judge, T. A. (1994). Pay preferences and job search decisions: A person-organization fit perspective. *Personnel psychology*, 47(2), 317-348.
- CHEN, Y., and Tjosvold, D. (2008). Collectivist values for productive teamwork between Korean and Chinese

- employees.
- Chew, J., and Chan, C. C. (2008). Human resource practices, organizational commitment and intention to stay. *International journal of manpower*, 29(6), 503-522.
- Chien, C. F., and Chen, L. F. (2008). Data mining to improve personnel selection and enhance human capital: A case study in high-technology industry. *Expert Systems with applications*, 34(1), 280-290.

## Khuyến nghị nhằm thu hút...

(Tiếp theo trang 52)

### 3. Kết luận

FDI đóng một vai trò quan trọng trong việc phát triển kinh tế của một quốc gia. Thu hút đầu tư luôn được Chính phủ và các địa phương quan tâm, chuyển động không ngừng để FDI không chỉ ngày càng lớn mạnh về số lượng dự án, mà còn có nhiều cải tiến về chất lượng dự án. Sự cần thiết và giá trị của các dự án FDI mang lại nhiều đóng góp lớn cho sự phát triển KT-XH của nước nhà. Sau 35 năm kể từ khi có Luật đầu tư nước ngoài, hoạt động thu hút FDI của các tỉnh thành trên cả nước đã có những bước tiến nhất định, nhưng cũng bộc lộ rõ những tồn tại chính như: Chưa thu hút các dự án có yếu tố công nghệ cao mang tính đột phá, dẫn đầu thế giới; quy mô vốn các dự án chưa như kỳ vọng, việc quản lý các doanh nghiệp FDI còn nhiều bất cập. Với phân tích thực trạng những điểm chính yếu, những tồn tại, những thách thức của thu hút FDI vào VN hiện nay, trên cơ sở đó đề xuất các khuyến nghị đề xuất đối với Trung ương và địa phương, có thể mở ra nhiều cơ hội thu hút FDI trong thời gian tới●

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Chính trị. (2019). *Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030*.
- Chính phủ. (2018). *Chiến lược và định hướng chiến lược thu hút FDI thế hệ mới giai đoạn 2018-2030*.
- Chính phủ. (2020). *Nghị quyết 115/NQ-CP ngày 6/8/2020 của Chính phủ về các giải pháp thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ*.
- Nguyễn Mai. (2020). *Đầu tư trực tiếp nước ngoài 2019, dự báo 2020 và dài hạn*. <https://baodautu.vn/dau-tu-truc-tiep-nuoc-ngoai-2019-du-bao-2020-va-daihan-d113916.html>.
- Quốc Bình. (2020). *Thu hút FDI*. <https://nhandan.com.vn/baothoinay-kinhte/thuhut-dong-von-fdi-580255/>.